

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 4 – 2024

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Huệ Anh

Ông Nguyễn Trọng Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1196/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số C O, 2 A, Nisshin-shi Ai-chi – ken, Nhật Bản.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Hải D, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2024; bản khai và văn bản xin vắng mặt ngày 08/3/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày như sau:

Bà và ông Huỳnh Hải D sau thời gian tìm hiểu, quen biết thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận kết hôn số 75 ngày 27/12/2022. Tuy nhiên từ tháng 9 năm 2023 bà và ông D đã sống ly thân; bà T hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, ông D sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Giữa bà và ông D xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống; từ đó hai bên dần không còn tin tưởng nhau. Cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn. Bà nhận thấy ly hôn là cách tốt nhất để hai bên có cuộc sống tự do hơn. Do đó, nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Hải D.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Do hiện tại bà đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài, công việc của bà bận rộn nên không thể tham gia vụ kiện. Do đó, bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, theo văn bản nêu ý kiến của bị đơn ông Huỳnh Hải D trình bày:

Ông thống nhất với nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T về hoàn cảnh, thời gian kết hôn. Về mâu thuẫn dẫn đến ly hôn thì ông cũng thống nhất với bà T. Nay ông nhận thấy đời sống vợ chồng của ông và bà T không thể kéo dài nên mục đích hôn nhân không đạt được nên đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông cũng đồng ý, cụ thể:

- Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng T.
- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, do ông bận nhiều công việc nên không thể tham gia vụ kiện nên ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Huỳnh Hải D là ly hôn, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài (Nhật Bản); bị đơn ông Huỳnh Hải D hiện đang sinh sống tại Việt Nam nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Huỳnh Hải D kết hôn với nhau vào năm 2022 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 75 ngày 27/12/2022 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên sau khi kết hôn đến tháng 9/2023 thì ông bà sống ly thân cho đến nay. Bà T hiện đang sinh sống và làm việc ở Nhật Bản; ông D hiện đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Giữa ông bà đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm; giữa vợ chồng dần không còn tin tưởng nhau. Do hai bên hiện đang sinh sống và làm việc ở hai nơi khác nhau nên không có điều kiện vun đắp tình cảm vợ chồng

cũng như giải quyết những vấn đề có mâu thuẫn. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông D.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhận được văn bản ý kiến của ông Huỳnh Hải D về việc ông thống nhất với nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T và ông đồng ý ly hôn với bà T, ông D cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng là không thể giải quyết được. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà T và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông D là có cơ sở nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, nhận thấy việc bà Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Hải D là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T và ông D không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông D đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông D đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T và ông D đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tòa án cũng không nhận được yêu cầu độc lập của bên thứ ba. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có liên quan có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng T đối với ông Huỳnh Hải D.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với ông Huỳnh Hải D.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Huỳnh Hải D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Huỳnh Hải D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Huỳnh Hải D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tòa án cũng không nhận được yêu cầu độc lập của bên thứ ba. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005519 ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Bà Nguyễn Thị Hồng T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Huỳnh Hải D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Thạnh Ngãi, huyện Mỏ Cày Nam, Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Lương

